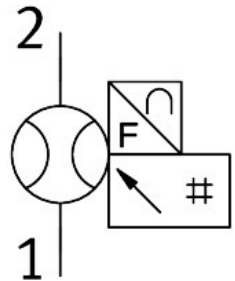


Cảm biến lưu lượng
SFAM-90-15000L-TG112-2SV-M12
Số bộ phận: 573357

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Recognized (OL)
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Cơ quan cấp chứng chỉ	UL E322346
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Kích thước đo	Khối lượng Lưu lượng dòng chảy
Hướng dòng chảy	một chiều từ trái sang phải
Nguyên tắc đo lường	nhiệt
Phương pháp đo lường	Mất nhiệt
Giá trị ban đầu phạm vi đo lưu lượng	150 l/ph
Giá trị cuối phạm vi đo lưu lượng	15000 l/ph
Áp suất vận hành	1.6 MPA 16 bar 232 psi
Áp suất quá tải	2 MPA
áp suất quá tải	20 bar 290 psi
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4] Nito
Nhiệt độ trung bình	0 °C...50 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Nhiệt độ danh nghĩa	23 °C
Độ chính xác của giá trị dòng chảy	± (3% omv + 0,3% FS)
Độ lặp lại điểm 0 trong ±% FS	0.2 %FS
Độ chính xác lặp lại dải theo ± %FS	0.8 %FS
Hệ số nhiệt độ kẹp trong ±% FS/K	thông thường 0,1% FS/K

Đặc tính	Giá trị
Phạm vi ảnh hưởng áp suất trong $\pm\%$ FS / bar	0.5 %FS/bar
Đầu ra chuyển mạch	2 x PNP hoặc 2 x NPN có thể chuyển đổi
Chức năng chuyển mạch	Cửa sổ so sánh hoặc bộ so sánh giá trị ngưỡng, có thể điều chỉnh
Chức năng phân tử chuyển mạch	Cơ cấu mở/đóng có thể chuyển đổi
Dòng điện đầu ra tối đa	100 mA
Đầu ra tương tự	0 - 10 V
Giá trị ban đầu của đặc tính dòng chảy	0 l/ph
Giá trị cuối cùng của đặc tính dòng chảy	15000 l/ph
Đường cong đặc tính giá trị ban đầu của đầu ra	0 V
Giá trị cuối của đặc tính đầu ra	10 V
Trở kháng tải tối thiểu đầu ra điện áp	10 kOhm
Chống chịu ngắn mạch	có
Khả năng chống quá tải	có sẵn
Dải điện áp hoạt động DC	15 V...30 V
Chống phân cực	cho tất cả các kết nối điện
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Giắc cắm
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	5
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa vít
Cổng nối điện 1, kiểu gắn tương thích	Tương thích với khóa vít có thể xoay
Chiều dài dây dẫn tối đa	30m
Kiểu gắn	Lắp đặt đường dây
Vị trí lắp đặt	ngang
Cổng nối khí nén	G1 1/2
trọng lượng sản phẩm	2750 g
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực PA gia cố
Kiểu hiển thị	LCD phát sáng nhiều màu
(Các) đơn vị có thể hiển thị	l l/phút m ³ scf scfm
Các tùy chọn cài đặt	Teach-In thông qua màn hình và các nút
Chống can thiệp	Mã PIN
Khoảng cài đặt giá trị ngưỡng	1 %...100 %
Khoảng cài đặt độ trễ	0 %...90 %
Mức độ bảo vệ	IP65
Giảm áp suất	100 mbar
Lớp bảo vệ	III
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L